

Số: 1807 /BTS-PTV

V/v công bố thông tin về báo cáo tài  
chính 6 tháng đầu năm 2016 đã được  
kiểm toán soát xét

Hà nam, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- 1. Tên công ty: Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn**
- 2. Mã chứng khoán: BTS**
- 3. Địa chỉ trụ sở chính: Xã Thanh sơn-huyện Kim bảng-tỉnh Hà Nam**
- 4. Điện thoại: 03513.851.323; Fax: 03513.851.320-03513.852.482**
- 5. Người thực hiện công bố thông tin**

Người thực hiện công bố thông tin của Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn là Bà Lê Thị Khanh, Trưởng phòng Tài chính kế toán - Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn (Chứng minh thư nhân dân số 168136184 ngày 27/7/2011 do Công an tỉnh Hà Nam cấp, số điện thoại di động: 0915.493.942).

**6. Nội dung của thông tin công bố**

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn lập ngày 12/8/2016 đã được kiểm toán soát xét, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính;

**7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính**

Website: vicembutson.com.vn hoặc: vicembutson.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, T.giám đốc Cty (để b/c);
- Lưu: VT, PTV.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**TL.TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**



**Lê Thị Khanh**

# Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



# Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1- 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 43

# Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn ("Công ty"), tiền thân là Công ty Xi măng Bút Sơn, được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Vicem"). Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0603000105 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 1 tháng 5 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 vào ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất và kinh doanh xi măng, đá vật liệu, gạch và các sản phẩm từ xi măng;
- ▶ Xuất khẩu xi măng và clinker;
- ▶ Khai thác đá vôi, đá sét để sản xuất và kinh doanh;
- ▶ Gia công chế biến khoáng sản, sản xuất gia công các loại phụ gia; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại xã Thanh Sơn – huyện Kim Bảng – tỉnh Hà Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Nhận	Chủ tịch	
Ông Trương Quốc Huy	Thành viên	
Ông Đinh Văn Hải	Thành viên	
Ông Vũ Thế Hà	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Phạm Tuấn Long	Thành viên	
Ông Phạm Văn Toàn	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	
Ông Đỗ Tiến Trình	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 22 tháng 4 năm 2016

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tân	Trưởng ban	
Ông Doãn Hữu Phong	Thành viên	
Ông Trần Hữu Trí	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Trung Tiến	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 4 năm 2016
Bà Hà Hải Yến	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Đặng Vũ Hải	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 22 tháng 4 năm 2016

# Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Quốc Huy	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lưu Đình Cường	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2016

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Quốc Huy, Tổng Giám đốc.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Số tham chiếu: 61117541/18490388

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn ("Công ty") được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

VIỆT  
NAM  
KIỂM  
TOÁN  
VIÊN  
ĐỘC  
LẬP





# Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

*lccae*



Tổng Giám đốc  
Trương Quốc Huy

Hà Nam, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>950.128.763.121</b>	<b>772.582.556.988</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>54.811.820.131</b>	<b>136.883.098.719</b>
111	1. Tiền		54.811.820.131	136.883.098.719
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>60.708.589.372</b>	<b>55.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		60.708.589.372	55.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>376.590.660.757</b>	<b>53.416.659.970</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	354.962.162.166	45.847.996.530
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	21.733.406.212	7.478.232.348
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.477.435.463	2.672.774.176
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(2.582.343.084)	(2.582.343.084)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>433.721.252.183</b>	<b>491.828.179.936</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	433.721.252.183	491.828.179.936
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>24.296.440.678</b>	<b>35.454.618.363</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	15.623.940.421	1.587.712.446
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	8.548.922.426	33.563.721.180
153	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	14	123.577.831	303.184.737
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.204.169.672.740</b>	<b>3.286.846.669.383</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>8.501.077.977</b>	<b>4.044.593.398</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	8.501.077.977	4.044.593.398
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.109.663.981.193</b>	<b>3.177.590.685.865</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.109.352.870.079	3.177.012.908.087
222	Nguyên giá		6.249.355.564.591	6.187.344.813.022
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.140.002.694.512)	(3.010.331.904.935)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	311.111.114	577.777.778
228	Nguyên giá		1.236.000.000	1.236.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(924.888.886)	(658.222.222)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>27.667.045.182</b>	<b>40.405.291.464</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	27.667.045.182	40.405.291.464
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>58.337.568.388</b>	<b>64.806.098.656</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	58.337.568.388	64.806.098.656
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.154.298.435.861</b>	<b>4.059.429.226.371</b>

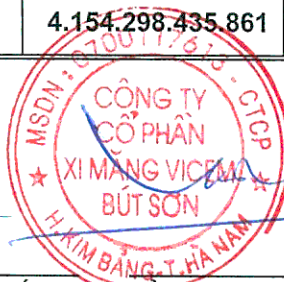
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.846.469.140.129</b>	<b>2.823.761.593.099</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.928.883.731.336</b>	<b>1.788.860.306.862</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	540.080.863.715	442.508.951.871
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	54.805.163.315	65.198.732.829
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	18.235.284.897	13.477.020.968
314	4. Phải trả người lao động		39.810.383.228	56.831.819.428
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	36.560.159.067	35.077.287.648
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	6.023.053.500	4.172.209.788
320	7. Vay ngắn hạn	17	1.233.368.823.614	1.171.594.284.330
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>917.585.408.793</b>	<b>1.034.901.286.237</b>
338	1. Vay dài hạn	17	913.112.573.105	1.030.856.692.839
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		4.472.835.688	4.044.593.398
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.307.829.295.732</b>	<b>1.235.667.633.272</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>1.307.829.295.732</b>	<b>1.235.667.633.272</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.090.561.920.000	1.090.561.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.090.561.920.000	1.090.561.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.085.114.000	45.085.114.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		99.562.542.163	99.562.542.163
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		72.619.719.569	458.057.109
421a	- Lãi/(lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước		458.057.109	(141.255.455.517)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		72.161.662.460	141.713.512.626
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.154.298.435.861</b>	<b>4.059.429.226.371</b>

Người lập  
Cô Thị Thu Hiền

Trưởng phòng Tài chính kế toán  
Lê Thị Khanh



Tổng Giám đốc  
Trương Quốc Huy

Hà Nam, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

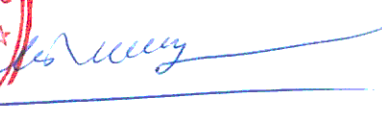
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	1.639.663.916.477	1.414.792.941.185
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	1.639.663.916.477	1.414.792.941.185
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(1.356.543.930.397)	(1.118.223.543.424)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		283.119.986.080	296.569.397.761
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	2.687.041.573	56.695.862.982
22	7. Chi phí tài chính	23	(70.971.054.979)	(82.011.276.716)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(61.502.395.983)	(74.554.230.918)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(63.300.008.619)	(63.007.836.372)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(61.998.644.342)	(57.963.173.787)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		89.537.319.713	150.282.973.868
31	11. Thu nhập khác	24	1.580.688.647	1.695.067.485
32	12. Chi phí khác	24	(188.461.139)	(54.664.248)
40	13. Lợi nhuận khác	24	1.392.227.508	1.640.403.237
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		90.929.547.221	151.923.377.105
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	(18.620.317.761)	(5.237.864.971)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		72.309.229.460	146.685.512.134
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	663	1.345
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	663	1.345

  
Người lập  
Cô Thị Thu Hiền

  
Trưởng phòng Tài chính kế toán  
Lê Thị Khanh

  
Tổng Giám đốc  
Trương Quốc Huy



Hà Nam, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>90.929.547.221</b>	<b>151.923.377.105</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		129.937.456.241	129.799.974.303
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		6.707.888.288	(50.879.537.769)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.099.525.843)	(858.185.353)
06	Chi phí lãi vay	23	61.502.395.983	74.554.230.918
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>286.977.761.890</b>	<b>304.539.859.204</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(302.436.079.706)	(93.049.372.158)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		58.106.927.753	(77.729.253.578)
11	Tăng các khoản phải trả		62.560.739.329	107.717.214.473
12	Giảm chi phí trả trước		(7.567.697.707)	(14.303.875.809)
14	Tiền lãi vay đã trả		(63.628.881.805)	(79.902.555.359)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.2	(4.114.381.956)	(1.874.214.742)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(147.567.000)	(228.000.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>29.750.820.798</b>	<b>145.169.802.031</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(45.384.379.079)	(18.477.150.224)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	2.286.635.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.708.589.372)	(15.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay		2.099.525.843	559.886.188
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(48.993.442.608)</b>	<b>(30.630.629.036)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		1.084.821.202.244	1.105.931.458.965
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.147.649.859.022)	(1.342.834.110.974)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(62.828.656.778)	(236.902.652.009)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(82.071.278.588)	(122.363.479.014)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		136.883.098.719	217.558.402.516
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<del>54.811.820.131</del>	95.194.923.502



Người lập  
Cổ Thị Thu Hiền



Trưởng phòng Tài chính kế toán  
Lê Thị Khanh

Tổng Giám đốc  
Trương Quốc Huy

Hà Nam, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Bút Sơn, được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (“Vicem”). Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0603000105 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 1 tháng 5 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 vào ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất và kinh doanh xi măng, đá vật liệu, gạch và các sản phẩm từ xi măng;
- ▶ Xuất khẩu xi măng và clinker;
- ▶ Khai thác đá vôi, đá sét để sản xuất và kinh doanh;
- ▶ Gia công chế biến khoáng sản, sản xuất gia công các loại phụ gia; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại xã Thanh Sơn – huyện Kim Bảng – tỉnh Hà Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1.371 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.376 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ đối với nguyên vật liệu chính và thành phẩm để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với công cụ, dụng cụ và hàng hóa thương mại, Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định dựa trên chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### **3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

Giá trị thương hiệu của Công ty được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được xác định căn cứ theo Báo cáo kết quả thẩm tra của Vụ Kinh tế Tài chính – Bộ Xây dựng kèm theo Quyết định số 1849/QĐ-BXD ngày 27 tháng 9 năm 2005 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty Xi măng Bút Sơn (tên trước đây của Công ty). Công ty đã thực hiện phân bổ giá trị thương hiệu trong vòng 10 năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 5 năm 2006.

#### **3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.14 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.14 Thuế** (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2016</i>	<i>năm 2015</i>
		<i>(Trình bày lại)</i>
Tiền mặt	1.903.413.872	661.592.934
Tiền gửi ngân hàng	52.908.406.259	136.221.505.785
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>54.811.820.131</u></b>	<b><u>136.883.098.719</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	60.708.589.372	60.708.589.372	55.000.000.000	55.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.708.589.372</b>	<b>60.708.589.372</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc sáu tháng với lãi suất là 6-6,8%/năm và khoản ủy thác quản lý vốn cho Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng, với thời hạn 7 tháng, lãi suất 6,8%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng		
- Công ty TNHH Vạn Lộc	-	13.329.853.381
- Công ty TNHH Vạn tải Phúc Vinh	76.549.303.516	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	39.750.711.376	-
- Công ty TNHH Trường Hải	32.416.537.811	-
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Sông Đà - Việt Đức	28.365.524.000	-
- Công ty TNHH Phú Thái	17.649.200.325	-
- Công ty TNHH Vĩnh Phước	17.111.039.945	-
- Công ty TNHH Đức Thảo	15.930.688.173	-
- Công Ty Cổ phần Thương Mại và Dịch vụ Phúc Minh	14.928.946.231	14.687.088.131
- Công ty TNHH Thương Mại và Xây dựng Đức Trung	14.039.666.329	-
- Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ vận tải Hải Anh	8.197.338.140	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	61.043.243.320	15.098.502.170
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	28.979.963.000	2.732.552.848
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>354.962.162.166</b>	<b>45.847.996.530</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.582.343.084)	(2.582.343.084)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Trả trước ngắn hạn cho người bán		
- Công ty CP Xây dựng và Khoáng sản Thiên Sơn	14.410.923.901	903.064.399
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt	2.178.087.300	-
- Công ty Xây dựng Sông Đà 8	2.108.763.027	2.108.763.027
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thiết bị và công nghệ	-	1.978.500.000
- Công ty TNHH N.E.T.S.Y.S Việt nam	1.000.000.000	1.000.000.000
- Các khoản trả trước khác	2.035.631.984	1.487.904.922
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.733.406.212</u></b>	<b><u>7.478.232.348</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu tiền điện, nước	787.390.887	-	900.755.813	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.066.945.000	-	839.080.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	623.099.576	-	932.938.363	-
	<b><u>2.477.435.463</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.672.774.176</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>Dài hạn</b>				
Ký quỹ dài hạn chi phí cải tạo môi trường	4.901.077.977	-	4.044.593.398	-
Ký quỹ dài hạn dự án xây dựng cảng Bút Sơn	3.600.000.000	-	-	-
	<b><u>8.501.077.977</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>4.044.593.398</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.978.513.440</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>6.717.367.574</u></b>	<b><u>-</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	247.125.900.459	-	267.747.483.902	-
Công cụ, dụng cụ	985.009.286	-	352.133.882	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	143.236.806.144	-	180.194.914.348	-
Thành phẩm	42.373.536.294	-	43.290.567.696	-
Hàng gửi bán	-	-	243.080.108	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>433.721.252.183</b>	<b>-</b>	<b>491.828.179.936</b>	<b>-</b>

## Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.499.597.073.333	4.585.881.401.718	93.923.895.982	7.942.441.989	6.187.344.813.022
- Mua trong kỳ	-	39.201.142.205	1.746.147.619	667.208.109	41.614.497.933
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	20.396.253.636	-	-	-	20.396.253.636
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.519.993.326.969	4.625.082.543.923	95.670.043.601	8.609.650.098	6.249.355.564.591
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	24.092.310.915	113.291.350.857	77.348.198.989	4.917.407.797	219.649.268.558
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	498.486.052.522	2.419.262.206.067	87.021.345.205	5.562.301.141	3.010.331.904.935
- Khấu hao trong kỳ	19.242.688.283	107.201.828.795	2.797.553.775	428.718.724	129.670.789.577
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	517.728.740.805	2.526.464.034.862	89.818.898.980	5.991.019.865	3.140.002.694.512
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.001.111.020.811	2.166.619.195.651	6.902.550.777	2.380.140.848	3.177.012.908.087
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.002.264.586.164	2.098.618.509.061	5.851.144.621	2.618.630.233	3.109.352.870.079

Công ty đã sử dụng các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Phần mềm máy tính</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.236.000.000
- Mua trong năm	<u>-</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>1.236.000.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	658.222.222
- Hao mòn trong năm	<u>266.666.664</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>924.888.886</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>577.777.778</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>311.111.114</u>

**11. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2016</i>	<i>năm 2015</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Đường lên mỏ đá Liên Sơn	8.634.573.129	8.634.573.129
- Mỏ đá sét Ba Sao	12.846.646.913	11.602.383.809
- Chi phí cải tạo, nâng cấp TSCĐ	-	10.405.099.476
- Công trình khác	<u>6.185.825.140</u>	<u>9.763.235.050</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>27.667.045.182</u></b>	<b><u>40.405.291.464</u></b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2016</i>	<i>năm 2015</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	4.838.977.004	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.650.245.967	1.587.712.446
Chi phí trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	750.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	<u>4.384.717.450</u>	<u>-</u>
	<b><u>15.623.940.421</u></b>	<b><u>1.587.712.446</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	23.942.768.275	25.019.642.987
Giá trị quyền sử dụng đất	10.440.853.176	11.390.021.646
Công cụ, dụng cụ	10.584.872.462	12.109.317.016
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>13.369.074.475</u>	<u>16.287.117.007</u>
	<b><u>58.337.568.388</u></b>	<b><u>64.806.098.656</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>73.961.508.809</u></b>	<b><u>66.393.811.102</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả ngắn hạn cho người bán	191.559.738.009	191.559.738.009	215.360.887.658	215.360.887.658
- Công ty TNHH Vận tải Phúc Vinh	37.000.794.758	37.000.794.758	1.209.082.300	1.209.082.300
- Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh	15.062.120.962	15.062.120.962	15.247.453.550	15.247.453.550
- Công ty TNHH Vinh Phước	13.758.118.044	13.758.118.044	31.247.172.519	31.247.172.519
- Công ty Điện lực Hà Nam	13.032.548.368	13.032.548.368	-	-
- Phải trả đối tượng khác	112.706.155.877	112.706.155.877	167.657.179.289	167.657.179.289
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	348.521.125.706	348.521.125.706	227.148.064.213	227.148.064.213
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>540.080.863.715</b>	<b>540.080.863.715</b>	<b>442.508.951.871</b>	<b>442.508.951.871</b>

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.494.100.771	55.080.294.929
- Công ty TNHH Phú Thái	-	7.566.905.275
- Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	-	13.360.306.964
- Người mua khác trả tiền trước	11.494.100.771	34.153.082.690
Các bên liên quan trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 27)	43.311.062.544	10.118.437.900
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54.805.163.315</b>	<b>65.198.732.829</b>



## Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải nộp/cán trừ trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND Ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	10.362.102.442	18.084.705.404	(27.841.116.006)	605.691.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	18.440.077.086	(4.114.381.956)	14.325.695.130
Thuế tài nguyên	2.197.738.781	10.446.665.390	(11.936.703.874)	707.700.297
Phí bảo vệ môi trường	917.179.745	8.034.906.940	(6.355.889.055)	2.596.197.630
Các loại thuế khác	-	4.441.940.936	(4.441.940.936)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.477.020.968</b>	<b>59.448.295.756</b>	<b>(54.690.031.827)</b>	<b>18.235.284.897</b>
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	122.944.062	25.869.044	(25.235.275)	123.577.831
Thuế giá trị gia tăng	33.563.721.180	117.823.428.420	(142.838.227.174)	8.548.922.426
Thuế TNDN (Thuyết minh số 26)	180.240.675	-	(180.240.675)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.866.905.917</b>	<b>117.849.297.464</b>	<b>(143.043.703.124)</b>	<b>8.672.500.257</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí sửa chữa	922.578.223	5.979.355.862
Mua nguyên vật liệu	13.307.761.850	3.079.784.870
Trích trước lãi tiền vay	12.600.079.390	14.877.753.252
Trích trước chi phí bán hàng	2.035.984.047	2.874.195.159
Trích trước chi phí khoan nổ mìn, bốc xúc vận chuyển đá vôi	4.534.569.600	2.154.705.194
Các khoản khác	3.159.185.957	6.111.493.311
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.560.159.067</u></b>	<b><u>35.077.287.648</u></b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.418.231.300	1.347.390.900
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.118.756.955	412.505.070
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.486.065.245	2.412.313.818
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.023.053.500</u></b>	<b><u>4.172.209.788</u></b>

## Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ		
	Giá trị				Giá trị		
Vay ngắn hạn							
Vay ngắn hạn ngân hàng	918.368.829.380	918.368.829.380	1.084.821.202.244	(1.007.312.007.922)	995.878.023.702	995.878.023.702	
Vay dài hạn đến hạn trả	253.225.454.950	253.225.454.950	124.603.196.062	(140.337.851.100)	237.490.799.912	237.490.799.912	
	<b>1.171.594.284.330</b>	<b>1.171.594.284.330</b>	<b>1.209.424.398.306</b>	<b>(1.147.649.859.022)</b>	<b>1.233.368.823.614</b>	<b>1.233.368.823.614</b>	
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng dài hạn	1.030.856.692.839	1.030.856.692.839	6.859.076.328	(124.603.196.062)	913.112.573.105	913.112.573.105	
	<b>1.030.856.692.839</b>	<b>1.030.856.692.839</b>	<b>6.859.076.328</b>	<b>(124.603.196.062)</b>	<b>913.112.573.105</b>	<b>913.112.573.105</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.202.450.977.169</b>	<b>2.202.450.977.169</b>	<b>1.216.283.474.634</b>	<b>(1.272.253.055.084)</b>	<b>2.146.481.396.719</b>	<b>2.146.481.396.719</b>	

## Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. VAY (tiếp theo)

#### 17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	453.897.182.065	-	Thời hạn vay cho mỗi kỳ ước nhận nợ không quá 6 tháng. Khế ước nhận nợ cuối cùng vào ngày 28 tháng 6 năm 2016. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng.	Lãi suất theo từng giấy nhận nợ của Ngân hàng, lãi suất trong kỳ từ 4,5% đến 5,5%/năm	Khoản vay được thế chấp bằng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số 01/05/HĐTC ngày 5 tháng 10 năm 2005. Giá trị tài sản thế chấp được Ngân hàng định giá là 500 tỷ đồng Việt Nam và giá trị tài sản được Ngân hàng xác định lại vào ngày 31 tháng 5 năm 2014 là: 141,4 tỷ đồng Việt Nam.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	289.282.027.492	-	Thời hạn vay cho mỗi kỳ ước nhận nợ không quá 6 tháng. Khế ước nhận nợ cuối cùng vào ngày 30 tháng 6 năm 2016. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng.	Lãi suất theo thông báo của ngân hàng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong kỳ từ 5%-5,5%/năm	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công	158.555.108.557	-	Thời hạn vay cho mỗi kỳ ước nhận nợ không quá 6 tháng. Khế ước nhận nợ cuối cùng vào ngày 24 tháng 6 năm 2016. Lãi vay trả vào ngày 26 hàng tháng.	Lãi suất 4,5-5,5%/năm	Hình thức vay là thế chấp quyền đòi nợ đối với các khoản phải thu và các khoản bồi hoàn, thanh toán khác.

## Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. VAY (tiếp theo)

#### 17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Hà Nam	54.277.612.663	-	Thời hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 4 tháng. Kế ước nhận nợ cuối cùng vào ngày 26 tháng 4 năm 2016. Lãi vay trả vào ngày 10 hàng tháng.	Lãi suất theo thông báo của ngân hàng theo từng giấy nhận nợ; lãi suất trong kỳ từ 4,5%-5,3%/năm.	Hình thức vay là thẻ chấp quyền đòi nợ đối với các khoản phải thu và hàng tồn kho.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam	39.866.092.925	-	Thời hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng. Kế ước nhận nợ cuối cùng vào ngày 9 tháng 6 năm 2016. Lãi vay trả vào ngày 26 hàng tháng.	Lãi suất theo thông báo của ngân hàng theo từng giấy nhận nợ.	Khoản vay được thế chấp bởi phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp số 03/2015/TCTS/1764274 ngày 14 tháng 7 năm 2015, giá trị tài sản thế chấp là 14,5 tỷ đồng Việt Nam; bởi đây chuyển máy đúc gạch bê tông đồng bộ theo Hợp đồng thế chấp số 04/2015/TCTS/1764274 ngày 14 tháng 7 năm 2015, giá trị tài sản thế chấp là 2,3 tỷ đồng Việt Nam. Ngoài ra, khoản vay được đảm bảo bởi tài sản cầm cố là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01//2015/HETG/VND ngày 26 tháng 8 năm 2015 tại Ngân hàng Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công trị giá 4 tỷ đồng Việt Nam.

**995.878.023.702**

**TỔNG CỘNG**

## Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

#### 17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Societe General Pháp - chi nhánh Tokyo	33.508.156.699	EUR 1.350.699.65	Thanh toán nợ gốc và lãi vào ngày 31 tháng 5 và 30 tháng 11 hàng năm. Ngày trả nợ cuối cùng là 31 tháng 5 năm 2020.	EURIBOR 6 tháng + 1,9%/năm. Lãi suất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1,90%/năm.	Bộ Tài chính bảo lãnh với phí bảo lãnh là 0,25%/năm.
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	8.377.039.912	EUR 337.674.94			
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	401.000.000.000	-	Trả nợ gốc 3 tháng một lần vào các tháng 1, 4, 7, 10. Lãi vay trả ngày 26 hàng tháng. Ngày trả nợ cuối cùng là 6 tháng 8 năm 2020.	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 5%/năm. Lãi suất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 9,5%/năm.	Tin chấp
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	50.000.000.000				
Ngân hàng JBIC Nhật Bản	441.721.498.456	EUR 17.805.607	Thanh toán nợ gốc và lãi vào ngày 22 tháng 2 và 22 tháng 8 hàng năm. Ngày trả nợ cuối cùng là 23 tháng 2 năm 2020.	Lãi suất 4,83%/năm + phí bảo hiểm rủi ro tín dụng 2,11%/năm.	Bộ Tài chính bảo lãnh với phí bảo lãnh là 0,25%/năm.
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	110.474.985.600	EUR 4.453.200			
Ngân hàng JBIC Nhật Bản	274.373.717.862	EUR 11.059.889	Thanh toán nợ gốc và lãi vào ngày 22 tháng 2 và 22 tháng 8 hàng năm. Ngày trả nợ cuối cùng là 23 tháng 2 năm 2020.	EURIBOR 6 tháng + 0,2%/năm. Lãi suất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 0,075%/năm.	Bộ Tài chính bảo lãnh với phí bảo lãnh là 0,25%/năm.
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	68.639.774.400	EUR 2.766.800			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.150.603.373.017</b>				
<i>Trong đó:</i>					
- Vay dài hạn đến hạn trả	237.490.799.912				
- Vay dài hạn	913.112.573.105				



## Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 18.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.090.561.920.000	45.085.114.000	99.562.542.163	(141.255.455.517)	1.093.954.120.646	
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	146.685.512.134	146.685.512.134	
- Giảm khác	-	-	-	(228.000.000)	(228.000.000)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	1.090.561.920.000	45.085.114.000	99.562.542.163	5.202.056.617	1.240.411.632.780	
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.090.561.920.000	45.085.114.000	99.562.542.163	458.057.109	1.235.667.633.272	
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	72.309.229.460	72.309.229.460	
- Giảm khác	-	-	-	(147.567.000)	(147.567.000)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.090.561.920.000	45.085.114.000	99.562.542.163	72.619.719.569	1.307.829.295.732	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Chi tiết cổ phiếu của chủ sở hữu Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn đầu tư của Nhà nước	867.157.460.000	867.157.460.000	867.157.460.000	867.157.460.000
Vốn góp cổ đông khác	223.404.460.000	223.404.460.000	223.404.460.000	223.404.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	45.085.114.000	45.085.114.000	45.085.114.000	45.085.114.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.135.647.034.000</b>	<b>1.135.647.034.000</b>	<b>1.135.647.034.000</b>	<b>1.135.647.034.000</b>

**18.3 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 Số lượng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Số lượng
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>109.056.192</b>	<b>109.056.192</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>109.056.192</b>	<b>109.056.192</b>
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>109.056.192</i>	<i>109.056.192</i>
Cổ phiếu phổ thông	109.056.192	109.056.192
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>109.056.192</b>	<b>109.056.192</b>
Cổ phiếu phổ thông	109.056.192	109.056.192
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	9.990	10.001
- Euro (EUR)	221	348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.639.663.916.477</b>	<b>1.414.792.941.185</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Doanh thu bán hàng</b>		
- Xi măng	1.458.148.525.180	1.142.383.873.007
- Clinker	154.315.995.717	247.402.672.235
- Sản phẩm khác	27.199.395.580	25.006.395.943
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<i>Chiết khấu thương mại</i>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.639.663.916.477</b>	<b>1.414.792.941.185</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng</i>	1.639.663.916.477	1.414.792.941.185
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	1.461.694.671.424	1.119.006.050.950
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	177.969.245.053	295.786.890.235

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.099.525.843	559.886.188
Lãi chênh lệch tỷ giá	587.515.730	56.135.976.794
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.687.041.573</b>	<b>56.695.862.982</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn xi măng	1.174.253.471.579	884.802.352.603
Giá vốn clinker	161.446.819.714	213.455.627.948
Giá vốn sản phẩm khác	20.843.639.104	19.965.562.873
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.356.543.930.397</b>	<b>1.118.223.543.424</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí vận chuyển	11.306.532.068	18.993.181.750
Phí chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường	9.401.383.946	8.156.199.478
Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp	9.374.957.778	8.556.012.089
Chi phí bán hàng khác	33.217.134.827	27.302.443.055
	<b>63.300.008.619</b>	<b>63.007.836.372</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp	10.690.712.952	16.300.455.892
Phí tư vấn quản trị	9.401.383.946	2.740.371.881
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.219.017.860	5.857.265.809
Chi phí hội nghị, tiếp khách	5.271.669.180	5.391.415.357
Chi phí vật liệu quản lý	1.948.124.917	2.944.696.047
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	30.467.735.487	24.728.968.801
	<b>61.998.644.342</b>	<b>57.963.173.787</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>125.298.652.961</b>	<b>120.971.010.159</b>

**23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền vay	61.502.395.983	74.554.230.918
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.807.719.720	1.016.358.066
Chiết khấu thanh toán	1.679.309.900	4.993.624.050
Chi phí tài chính khác	981.629.376	1.447.063.682
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>70.971.054.979</b>	<b>82.011.276.716</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.580.688.647</b>	<b>1.695.067.485</b>
Thu thanh lý tài sản	-	298.299.165
Thu nhập từ phí cầu cảng	352.950.868	245.818.041
Thu nhập khác	1.227.737.779	1.150.950.279
<b>Chi phí khác</b>	<b>188.461.139</b>	<b>54.664.248</b>
Chi phí khác	188.461.139	54.664.248
<b>LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC</b>	<b><u>1.392.227.508</u></b>	<b><u>1.640.403.237</u></b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	832.581.535.895	767.542.192.619
Chi phí nhân công	102.792.608.645	97.851.295.080
Chi phí khấu hao và hao mòn	129.937.456.241	129.799.974.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	330.107.288.597	262.490.855.691
Chi phí khác	48.305.474.266	74.691.216.922
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.443.724.363.644</u></b>	<b><u>1.332.375.534.615</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.620.317.761	5.237.864.971
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.620.317.761</b>	<b>5.237.864.971</b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>90.929.547.221</b>	<b>151.923.377.105</b>
<b>Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán</b>	<b>2.172.041.585</b>	<b>1.742.439.998</b>
Chi phí không hợp lệ	1.743.799.296	1.742.439.998
Chi phí dự phòng cải tạo môi trường	428.242.289	-
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ kỳ trước</b>	<b>93.101.588.806</b>	<b>153.665.817.103</b>
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	(129.857.339.962)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>93.101.588.806</b>	<b>23.808.477.141</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>18.620.317.761</b>	<b>5.237.864.971</b>
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(180.240.675)	(624.941.306)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(4.114.381.956)	(1.874.214.742)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>14.325.695.130</b>	<b>2.738.708.923</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua than cám Bán clinker	220.181.546.681 9.847.754.092	319.643.951.264 -
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Bán clinker Trả gốc vay Chi phí hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm và quản trị doanh nghiệp (*) Mua thạch cao Lãi vay Chi phí vận chuyển, thẩm định, cảng vụ clinker xuất khẩu	31.292.851.406 - 18.802.767.892 33.273.796.555 - 6.149.353.746	103.729.559.064 93.067.548.762 10.896.571.359 34.304.438.949 1.826.240.231 17.729.058.357
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng Bán xi măng	53.087.500.000 -	82.474.000.000 30.921.117.303
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	6.380.000.000	4.400.000.000
Công ty TMHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua xi măng bao gia công Bán xi măng, đá vật liệu xây dựng	43.788.891.076 -	40.944.240.183 18.773.550.407
Công ty Cổ phần Vicem Thương Mại Xi Măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Bán xi măng	103.302.378.200	128.581.822.739
Nhà máy Vật liệu chịu lửa kiểm tính – Công ty TNHH MTV Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua gạch chịu lửa	2.688.714.000	13.064.476.500
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Doanh thu gia công xi măng	15.973.510.448	13.780.840.722
Công ty Cổ Phần xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Bán clinker	8.102.705.457	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Doanh thu gia công	9.450.045.450	-
Công ty Cổ phần Vicem thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua thạch cao Oman	4.693.675.636	-
Công ty Tư vấn đầu tư phát triển Xi măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Thiết kế bản vẽ thi công mở sét Ba Sao	1.128.076.182	-
Viện công nghệ Xi măng VICEM	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Chi phí đào tạo	433.440.000	-

(\*) Theo Hợp đồng Tư vấn Quản trị Doanh nghiệp số 2117/Vicem-HĐKT, Hợp đồng Tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường số 2116/Vicem-HĐKT ngày 31 tháng 12 năm 2013 cùng các phụ lục kèm theo được ký kết giữa Công ty và Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty"), Công ty sẽ trả tổng khoản phí hàng kỳ 6 tháng 1 lần cho từng hợp đồng là 0,6% doanh thu tiêu thụ xi măng và clinker và 0,05% doanh thu tiêu thụ xi măng thuê gia công ngoài, doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác và thu nhập khác. Theo đó, Tổng Công ty sẽ tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao cho Công ty bí quyết quản trị doanh nghiệp, phát triển thị trường nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty đã ghi nhận các khoản chi phí nêu trên vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường trừ đi chiết khấu hàng bán theo chính sách bán hàng của Công ty. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thông thường trên thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b> (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Bán xi măng	9.671.937.000	2.461.016.500
Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Bán clinker	8.912.976.000	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Bán xi măng	10.395.050.000	-
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Bán ô tô	-	271.536.348
			<b>28.979.963.000</b>	<b>2.732.552.848</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b> (Thuyết minh số 13.1)				
Công ty TNHH MTV Xi măng vicem Tam Điệp	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua xi măng	32.684.677.800	6.385.974.800
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Tư vấn, lập dự án	976.607.000	1.016.625.000
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư vận tải Xi Măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua than cám	117.831.671.115	66.991.543.346
Công ty Cổ phần Vicem thạch cao xi măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua thạch cao OMAN	5.163.043.200	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua cát tiêu chuẩn ISO	-	172,095,000
Tổng Công ty Công Nghiệp xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn, hỗ trợ và mua thạch cao	156.873.153.593	98.088.932.701
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	5.149.565.700	3.715.218.250
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	25.542.407.298	46.377.675.116
Nhà máy Vật liệu chịu lửa kiềm tính – Công ty TNHH MTV Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua gạch chịu lửa	4.300.000.000	4.400.000.000
			<b>348.521.125.706</b>	<b>227.148.064.213</b>

**Người mua trả tiền trước ngắn hạn** (Thuyết minh số 13.2)

Công ty Cổ phần Vicem Thương Mại Xi Măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Bán xi măng	2.847.744.232	9.607.957.332
Công ty Cổ Phần Vicem Bao Bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Bán xi măng	-	510.480.568
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Bán clinker	40.463.318.312	-
			<b>43.311.062.544</b>	<b>10.118.437.900</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b> (Thuyết minh số 12)				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Hỗ trợ huyện nghèo	750.000.000	-
			<b>750.000.000</b>	-

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lương và thưởng	1.657.803.833	1.055.312.198
	<b>1.657.803.833</b>	<b>1.055.312.198</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>72.309.229.460</u>	<u>146.685.512.134</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b><u>72.309.229.460</u></b>	<b><u>146.685.512.134</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>109.056.192</u>	<u>109.056.192</u>
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b><u>109.056.192</u></b>	<b><u>109.056.192</u></b>

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

**29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

**Cam kết tiền thuê đất**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đến 1 năm	11.200.679.852	11.200.679.852
Trên 1 - 5 năm	44.802.719.408	44.802.719.408
Trên 5 năm	<u>204.993.771.432</u>	<u>210.942.682.986</u>
	<b><u>260.997.170.692</u></b>	<b><u>266.946.082.246</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)**

**Nợ tiềm tàng về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đất sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty.

Mặt khác, theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và trong thời gian Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến, chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nợ tiềm tàng về thuế tài nguyên theo Thông tư 152/2015/TT-BTC**

Công ty có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên ("Thông tư 152") kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại Thông tư 152, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến, để làm cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của Thông tư 152. Do đó, cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành theo Quyết định 900/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2014 và Công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương nếu phải áp dụng giá tính thuế mới.

**30. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của các báo cáo tài chính của kỳ này. Chi tiết như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (được trình bày lại)</i>
<b>Mã số Chỉ tiêu</b>			
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
111 Các khoản tương đương tiền	51.00.966.370	(51.000.000.000)	-
123 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.000.000.000	51.000.000.000	55.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

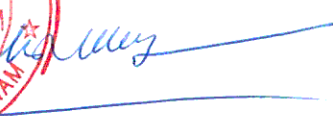
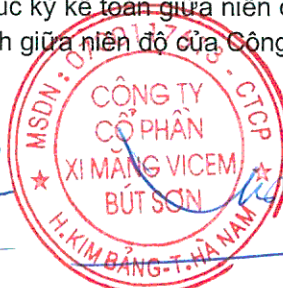
Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Người lập  
Cổ Thị Thu Hiền



Trưởng phòng Tài chính kế toán  
Lê Thị Khanh



Tổng Giám đốc  
Trương Quốc Huy

Hà Nam, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

